TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 14–3–2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 18-11-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20-02-2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11-3-2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Bản LL, xã PL (trước đây là xã PL1), huyện TC, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Tòng Văn T, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Bản LL, xã PL (trước đây là xã PL1), huyện TC, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

Chị H và anh Tòng Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã PL1, huyện TC, tỉnh Sơn La, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm

2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết ly hôn với anh Tòng Văn T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Tòng BC, sinh ngày 31/01/2017 và cháu Tòng Thị HM, sinh ngày 31/8/2019. Chị H đề nghị giao cả 02 con chung cho anh Tòng Văn T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/3/2025, các chứng cứ có trong hồ sơ, bị đơn anh Tòng Văn T trình bày như sau:

Về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn anh T đều nhất trí như ý kiến của chị Lò Thị H đã trình bày. Vì điều kiện công việc bận nên anh không thể đến Toà án để tham gia hoà giải và xét xử được. Anh nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Tòng BC, sinh ngày 31/01/2017 và cháu Tòng Thị HM, sinh ngày 31/8/2019. Nguyện vọng của anh đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 cháu đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự và ý kiến của con chung:

Kết quả xác minh tại ban quản lý bản LL, xã PL1 (nay là xã PL), huyện TC ngày 13/01/2025 xác định: Anh Tòng Văn T và chị Lò Thị H có kết hôn hợp pháp, chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân nhưng ban quản lý bản không rõ nguyên nhân mâu thuẫn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung hiện đang do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu thường xuyên qua lại hai bên nội ngoại. Quá trình nuôi dưỡng con chung, anh T vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu.

Tại biên bản ghi ý kiến của con trên 7 tuổi đối với cháu Tòng BC, sinh ngày 31/01/2017 như sau: Cháu có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn đã được toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để tham gia tố tụng. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được, quá trình giải

quyết vụ án nguyên đơn vẫn kiên quyết ly hôn với lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Tòng Văn T.

Về con chung: Giao cháu Tòng BC, sinh ngày 31/01/2017 và cháu Tòng Thị HM, sinh ngày 31/8/2019 cho anh Tòng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị H yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Tòng Văn T có địa chỉ nơi cư trú tại bản LL, xã PL1 (nay là xã PL), huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Tòng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã PL1, huyện TC, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị H và anh T là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T và chị H đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, chị H kiên quyết xin ly hôn, anh Tòng Văn T nhất trí.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị H và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất hòa, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Tòng Văn T.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Tòng Văn T có 02 con chung là cháu Tòng BC, sinh ngày 31/01/2017 và cháu Tòng Thị HM, sinh ngày 31/8/2019.

Ý kiến của các đương sự đều thống nhất giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ý kiến của cháu Tòng BC cũng có nguyện vọng muốn được ở với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, 02 con chung đều do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Kết quả xác minh xác định anh Tòng Văn T đảm bảo được điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của các đương sự. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả hai con chung cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Lò Thị H là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện - kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Do đó, miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch trong vụ án ly hôn cho chị Lò Thị H. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Tòng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng BC, sinh ngày 31/01/2017 và cháu Tòng Thị HM, sinh ngày 31/8/2019 cho anh Tòng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (chị H) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh T đều khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch trong vụ án ly hôn cho chị Lò Thị H.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã PL, huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn Thịnh